

Hải Phòng, ngày 21 tháng 8 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Quân y 7 Cục Hậu cần Kỹ Thuật Quân khu 3 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Dịch vụ thuê thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Quân y 7 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân y 7
Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Hoàng Văn Đạt - Chức vụ: Phó Chủ nhiệm Khoa Trang bị
 - Số điện thoại: 0915102966 – Gmail: khoatrangbiv7@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp báo giá tại Khoa Trang bị Bệnh viện Quân y 7. Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng
 - Nhận qua gmail: khoatrangbiv7@gmail.com
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ: 8h ngày 25 tháng 8 năm 2026 đến trước 17h ngày 08 tháng 9 năm 2026.
Các báo giá nhận được sau thời gian trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá 90 ngày kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Nội dung yêu cầu báo giá như sau:

STT	Danh mục thiết bị dự kiến thuê	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Số lượng thuê	Thời gian dự kiến thuê
1	Máy nội soi tai mũi họng	Hệ thống	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng
2	Ghế khám tai mũi họng	Cái	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng

3	Máy đo huyết áp tự động	Cái	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng
4	Máy điện tim	Cái	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng
5	Xe cáng đẩy	Cái	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	20	12 tháng
6	Giường khám phụ khoa	Cái	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng
7	Máy siêu âm và phụ kiện	HT	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng
8	Màn hình nội soi	Cái	Chi tiết tại Phụ lục kèm theo	1	12 tháng
Tổng: 08 mặt hàng					

2. Địa điểm cung cấp, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Quân y 7.
3. Địa chỉ: Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng.
4. Thời gian hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không
6. Các thông tin khác(nếu có) 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TB. Đ03b. 

GIÁM ĐỐC



Đại tá Hoàng Văn Lý

Mẫu báo giá

Kính gửi: Bệnh viện Quân y 7

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Quân y 7, chúng tôi:.....[Tên nhà cung cấp] báo giá các mặt hàng trong gói thầu như sau:

1. Bảng chào giá dịch vụ.

STT	Tên thiết bị	Model, hãng sx, nước sx	Năm sx	Số lượng máy cho thuê	Đơn vị tính	Đơn giá thuê/tháng	Thời gian thuê	Tổng tiền thuê
					tháng			

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo cáo là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày....tháng.... năm 2026

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu(nếu có))

PHỤ LỤC THIẾT BỊ CÁN THUÊ

STT	Danh mục thiết bị thuê	Ký hiệu, model, năm sản xuất	Thông số kỹ thuật chi tiết	Số lượng
1	Máy nội soi tai mũi họng	Model: XL-100/LS-600 Số seri: Yb26036 / L6A26019 Hãng sản xuất: Medtrix Xuất xứ: Việt Nam Năm sản xuất: 2026	Cấu hình chi tiết: <i>Full HD, dùng hình trên camera</i> 01. Camera HD-1000 - Cảm biến 1/2.8" SONY CMOS - Độ phân giải: 1920 x 1080 pixels - Chức năng phóng to thu nhỏ hình ảnh và chụp 1 hình 02. Bộ xử lý hình ảnh XL-100 - Nguồn điện: AC220V/50Hz - Công suất tiêu thụ: 60W - Video out : 4 cổng HDMI, 1 cổng AV - Chức năng cân bằng trắng - Chức năng phóng to thu nhỏ hình ảnh - Chức năng chụp 1 hình, lật gương - 5 nút điều hướng vào menu OSD tùy chỉnh - Chức năng điều chỉnh tăng màu - Chức năng lấy nét theo điểm hoặc toàn vùng soi 03. Nguồn sáng LS-600 • Nguồn điện 220V/50Hz • Công suất tiêu thụ: 80W • Kiểu bóng: LED • Nhiệt độ màu: 6500K • Chức năng hiển thị cường độ sáng • Chức năng điều chỉnh cường độ sáng • Chức năng hiển thị mức 80% sáng khi bật • Tuổi thọ bóng: ~50,000 giờ • Chuẩn đầu cam sáng: Storz /Wolf 04. Dây dẫn sáng: • - Chiều dài ~2m • - Đường kính ống dẫn 4mm • - - Đường kính ngoài 10mm	1



			-- Có miếng chống nóng 05. Ống nội soi 70° PR-202: Kích thước: Ø4mm x 175 mm 06. Ống nội soi 0° PR-103: Kích thước: Ø3mm x 110 mm 07. Xe đẩy máy MT-3 - Cột trụ bằng nhôm đúc áp lực anốt và sơn tĩnh điện - Bánh xe φ 100 - Đợt dễ máy điều chỉnh được lên xuống - Thùng đồ có ngăn kéo điều chỉnh được lên xuống - Treo Camera chống xước - Treo màn hình điều chỉnh lên/xuống - Có 3 ổ cấp điện, có công tắc 08. Màn hình nội soi - Kích thước màn hình: ~ 27 inch - Công nghệ IPS - Thời gian phản hồi: 5 ms - Độ phân giải 2K: 2560 x 1440 pixels - Độ sáng: 350 cd/m2 - Ngõ vào tín hiệu video: 2*HDMI	1
2	Ghế khám tại mũi họng	Model: GIO-100FA Hãng sản xuất: Medtrix Xuất xứ: Việt Nam Năm sản xuất: 2026	* Thông số kỹ thuật: - Nguồn điện: AC220V/ 50Hz - Tải trọng: 350kg - Tốc lên xuống: 5mm/s ~ 18mm/s - Phần ngồi: (450x450)mm - Tựa lưng: (430x540)mm - Kích thước tổng thể ngà: (1750x450)mm - Trọng lượng: ~ 70 kg - Góc ngả-gập: 85 ~ 180 độ - Khoảng chuyển động lên- xuống: 220mm. - Vị trí ngồi thấp nhất: 520mm ±5mm - Vị trí ngồi cao nhất: 740mm ±5mm	

			- Góc xoay ghế: ~340 độ - Đế chân mặt cao su có thể gấp gọn 90 độ - Xoay dễ tay về phía sau: Xoay 45 độ - Điều khiển điện tử: Lên-xuống-ngả-gập-Reset về vị trí ban đầu. - Điều khiển cơ học: Tựa đầu, dễ tay, xoay ghế, dễ chân - Đường kính chân đế: ϕ 580mm - Chất liệu ốp lưng ghế: Nhựa ABS - Chất liệu bọc da: PU	
3	Máy đo huyết áp tự động	Model: BP868F Hãng sản xuất: AMPALL CO., LTD Xuất xứ: Hàn Quốc Năm sản xuất: 2026	Cấu hình bao gồm: • Máy chính: 01 cái • Dây nguồn: 01 cái • Tắm đỡ tay: 01 cái • Giấy in nhiệt: 04 cuộn • Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Thông số kỹ thuật: - Phương pháp đo: phương pháp Oscillometric - Phương pháp xả: xả tự động bằng vi điều khiển - Màn hình: FND (7 đoạn, LED) - Khoảng đo: 30 đến 300 mmHg - Đơn vị đo tối thiểu: Áp suất: 1 mmHg (Mạch: 30-200/phút) - Độ chính xác: Áp suất ± 2 mmHg (Mạch: $\pm 3\%$) - Phương pháp điều khiển vòng bít: bằng vi điều khiển - Thời gian bơm áp lực: khoảng 10 giây - Thời gian đo: khoảng 30 giây - Máy in: máy in nhiệt tốc độ cao - Kích thước giấy in nhiệt: Dài 25mm, chiều ngang 57.5mm - Nguồn điện: AC 110/220V đến 230V - Tần số: 50/60 Hz	1

			- Dừng khẩn cấp: dừng lại bởi vì xử lý - Hỗ trợ bằng giọng nói: khi đo huyết áp có các thông tin hướng dẫn bằng giọng nói; kết quả đo huyết áp và các lỗi cũng được thông báo bằng giọng nói. - Tiêu thụ điện: 50VA - Điều kiện vận hành: nhiệt độ: +10 đến +40, Độ ẩm 95% hoặc thấp hơn - Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ -5 đến +50, Độ ẩm 95% hoặc thấp hơn - Kích thước: 453x340x306 (WxDxH) mm - Khối lượng: khoảng 8.6kg - Tùy chọn thêm: máy in nhiệt (tự động cắt), màn hình hiển thị phía sau, dây kết nối PC, phần mềm kết nối PC	
4	Máy điện tim	Model: Cardio7 Số Serial T8E6EUA0052 Hãng: Bionet Co., Ltd Xuất xứ: Hàn Quốc Năm sản xuất: 2026	Cấu hình bao gồm: - Máy chính: 01 bộ - Cáp ECG: 01 bộ - Điện cực chi: 01 bộ - Điện cực ngực: 01 bộ - Giấy in: 01 cuộn - Dây nguồn: 01 cái - Dây LAN: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ THÔNG SỐ KỸ THUẬT: - Chuyển đạo ECG: 12 chuyển đạo đồng thời - Kênh ghi: • Bản đồ 3CH + 1RHY, 3CH + 3RHY, 6CH + 1RHY, 12CH, 6CH + ST • Ghi dài hạn 1CH (1, 3, 5, 10 phút) • Báo cáo nhịp đặc biệt (vấn bản, hướng dẫn, vecto, bản đồ ST) - Độ khuếch đại: 2.5, 5, 10, 20, Auto (I-aVF: 10, V1-V6: 5) mm/mV - Tốc độ in: 5, 12.5, 25, 50, 100 mm/s	1

		- Tần số lấy mẫu: • Phân tích: 500 Hz • Số hóa: 8000 Hz - Bộ lọc: • Nhiễu AC (50/60 Hz, -20dB hoặc tốt hơn) • Nhiễu cơ (25-35 Hz, -3dB hoặc tốt hơn) • Trôi đường nền (0.05Hz, 0.1Hz, 0.2Hz, -3dB hoặc tốt hơn) • Bộ lọc thông thấp (tắt, 40Hz, 100Hz, 150Hz) - Màn hình: • Màn hình TFT màu rộng 7" (800 × 480 pixel) • Hiện thị trước 12 kênh, ID, nhịp tim, gain, tốc độ, trạng thái nguồn - Giao diện người dùng: Màn hình cảm ứng, núm xoay nhấn - Độ phân giải in: • In nhiệt, giấy cuộn • Giấy báo cáo: Rộng: A4/Letter 215 mm (8.5"); Dài: A4: 297 mm (11.7"), Letter: 279 mm (11") • Độ phân giải: 8 dot/mm (0.125 mm) - Dữ liệu bệnh nhân: ID, tên, tuổi, giới tính, chiều cao, cân nặng, chủng tộc, hút thuốc, khoa/phòng, số phòng, mô tả chỉ định, mã hồ sơ, bác sĩ chỉ định - Thông số đo cơ bản: Nhịp tim (30-300 bpm, ± 3 bpm), khoảng PR/RR, độ rộng QRS, QT/QTc, trục P-R-T, biên độ SV1/RV5/R+S - Lưu trữ dữ liệu ECG: Bộ nhớ trong lưu tối đa 200 bản ECG - Thông số điện: • Nhiều nội: tối đa 20μV (p-p) • Trở kháng đầu vào: $\geq 50M\Omega$ • Dải điện áp đầu vào: $\pm 5mV$ • CMRR: > 105 dB • Điện áp lệch DC: $\geq \pm 400mV$ • Dòng rò bệnh nhân: $< 10\mu A$ • Dải tần: 0.05 - 200 Hz (-3dB) • Cách ly, chống sốc điện tim & ESU
--	--	--

			- Kiểm soát chất lượng tín hiệu: Phát hiện xung máy tạo nhịp, lỗi điện cực, bão hòa tín hiệu - Nguồn điện: • Input: 100–240Vac, 1.5–0.75A, 50–60Hz • Output: 15Vdc, 4.2A - Pin: Pin Lithium-ion có thể tháo rời và sạc lại, 10.8V, 3250mA - Dung lượng pin: • Sử dụng ~6 giờ hoặc in ~200 bản ECG (12 kênh, 25mm/s, 10mm/mV) • Sạc đầy trong 3 giờ - Kết nối: LAN, WiFi (tùy chọn), USB, máy quét mã vạch - Tiêu chuẩn an toàn: Class I, Type CF, chống sốc điện tim - Hoạt động: • Nhiệt độ: 10 ~ 40°C • Độ ẩm: 30 ~ 85% RH • Áp suất: 70 ~ 106 kPa - Lưu trữ/vận chuyển: • Nhiệt độ: -20 ~ 60°C • Độ ẩm: 10 ~ 95% RH • Áp suất: 50 ~ 106 kPa - Kích thước: 300(W) × 290(H) × 89.5(D) mm, ~3.5 kg - Đóng gói: 415(W) × 400(H) × 215(D) mm, ~6 kg	
5	Xe cáng đẩy	Model XC-07 Hãng Sản xuất : Hoàng Nguyễn Xuất xứ: Việt Nam Năm sản xuất: 2026	Cấu hình cung cấp: - Xe đẩy cáng nâng hạ: 01 cái - Đệm: 01 cái - Thành chắn: 02 cái - Bánh xe: 04 cái Thông số kỹ thuật: - Kích thước (Dài x Rộng x Cao): + Dài: 1960 ± 5mm + Rộng: 700 ± 5 mm (bao gồm cả thành chắn) + Cao: từ 520 đến 750 ± 5 mm	20

		- Góc nâng lưng cao nhất: Khoảng 60° - Tải trọng xe cáng : 200kg - Vật liệu : Thép sơn tĩnh điện. KẾT CẤU : - Mặt cáng : Kết cấu bằng thép tấm dày 1.0 mm được đột lỗ oval được dập gân tăng cứng hàn liền kết chắc chắn với phần khung bao bằng thép 25x25x1 mm được chia làm hai phần : + Tấm nâng đầu dài 750 mm ± 5 , có nâng hạ thay đổi góc nghiêng bằng cơ cấu xilanh thủy lực trợ lực từ 0° đến 60° . + Tấm thân, chân dài 1180 mm ± 5 là phần cố định . + Kích thước mặt cáng: Khoảng 1960 x 600 mm - Khung đỡ mặt cáng : Kết cấu bằng thép hộp: 30 x 60 x 1.4mm và $\varnothing 32 \times 1.5$mm hàn liền kết chắc chắn . - Hệ thống nâng hạ: Kết cấu bằng các tấm thép dày dập gân tăng cứng hàn liền kết chắc chắn với các thanh $\varnothing 32 \times 1.5$mm , hệ thống nâng hạ bằng cơ cấu trục vít me bằng ren trơn nhẹ, chắc chắn . có phần trợ lực nâng bằng xilanh thủy lực . - Khung dưới xe cáng : Kết cấu bằng thép hộp 30 x 60 x 1.4kế hàn liền kết chắc chắn với các tấm bản mã dày 3 ly cùng bốn ống thép $\varnothing 32 \times 1.5$mm bắt bốn bánh xe $\varnothing 150$mm . Khung dưới được bao phủ bằng vỏ thép hoặc nhựa đảm bảo mỹ thuật . - Thành chắn : Vật liệu nhựa ABS, có hỗ trợ nâng bằng xilanh thủy lực - Bánh xe : + Số lượng: 4 bánh xe, có phanh, lõi , bên ngoài bánh xe có bọc nhựa ABS + Vật liệu của lốp bánh: Cao su tổng hợp + Vật liệu chịu lực: Thép Chromium + Đường kính: 150 mm - Đệm : + Kích thước: 1960 x 600 x 50 mm + Độ dày: 50 mm + Vỏ đệm: Làm bằng chất liệu chống thấm nước + Ruột đệm: Bằng PE
--	--	---

6	Giường khám phụ khoa Model: PK-01 Type D Hãng Sản xuất : Hoàng Nguyên Xuất xứ: Việt Nam Năm sản xuất: 2026	Cấu hình cung cấp: - Góc chân: 02 cái - Pít tông điện: 03 cái - Hộp điều khiển điện: 01 cái - Điều khiển: 01 cái - Bánh xe: 04 cái Thông số kỹ thuật: - Kích thước (Dài x Rộng x Cao): + Dài = 1400 ± 5 mm (Tính cả đầu giường) + Rộng = 600 ± 5 mm + Cao điều chỉnh từ 630 đến 1040mm - Góc nâng lưng , đầu cao nhất: $70^\circ \pm 5^\circ$ - Góc nâng đùi , chân Khoảng $30^\circ \pm 5^\circ$ - Tải trọng giường : 200kg - Chất liệu sơn: Sơn tĩnh điện. + Vật liệu: Làm sắt tấm và cây hộp Kết cấu bàn khám - Mặt bàn khám : + Tấm nâng lưng đầu: Dài khoảng 700 mm ± 5mm + Tấm nâng hông : Dài khoảng 275 mm ± 5mm - Khung bàn khám : Phần trên bằng sắt hộp sơn tĩnh điện, kích thước hộp 40 x 80 mm, dày 1.4 mm và hộp 25x50 x 1.4 mm - Kết cấu nâng hạ + Một pittong có chức năng đầu và lưng + Một pittong có chức năng thay đổi chiều cao của giường + Một pittong có chức năng nâng phần mông Bánh xe : + Số lượng: 4 bánh xe, có 2 phanh 2 bánh không phanh, lõi , bên ngoài bánh xe có bọc nhựa ABS	1
---	---	---	---

			+ Vật liệu của lớp bánh: PVC + Vật liệu chịu lực: Cao su tổng hợp + Đường kính: 125mm Khay chứa chất thải: + Số lượng: 01 Cái + Kích thước: Dài x Rộng X Cao: 320 x 260 x 100mm	
7	Máy siêu âm và phụ kiện Model: X-CUBE 70 Số Serial V02588 (các đầu dò: MTWAS001YBBF MTNAY004YBCB MTHAU006YBAF MTOAV017YBBJ) Đầu dò hockey Hãng sản xuất: Alpinion Medical Systems Co., Ltd Xuất xứ: Hàn Quốc Máy mới 100%, sản xuất năm 2026	Cấu hình tiêu chuẩn gồm: • Máy chính với màn hình màu 23,8" : 01 bộ • Màn hình cảm ứng: 12,1" : 01 cái • Cổng cắm đầu dò: 05 cổng • Đầu dò convex SC1-7H: 01 cái • Đầu dò linear SL3-19X: 01 cái • Đầu dò khối 4D SVC1-8H: 01 cái • Đầu dò tim MP1-5X: 01 cái • Phần mềm và thước đo cơ bản: 01 bộ • Card chuyển đổi hình ảnh từ máy siêu âm sang máy tính: 01 cái • Phần mềm siêu âm 3D/4D: 01 phần mềm • Phần mềm siêu âm 3D/4D độ nét cao (5D) (Live HQ™): 01 phần mềm • Phần mềm siêu âm 3D/4D trong suốt: 01 phần mềm • Phần mềm siêu âm Doppler xung liên tục CWD và thước đo tim: 01 phần mềm • Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng cho gan, vú, giáp: 01 phần mềm • Gel siêu âm: 04 can • Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ	1	
<u>Thông số kỹ thuật:</u> <u>Máy chính</u> - Màn hình Led backlit LCD kích thước 23,8 inch, độ phân giải cao 1.920x1.080 - Màn hình Led backlit LCD kích thước 12,1 inch, độ phân giải cao 1.280x800 - Số cổng cắm đầu dò hoạt động: 5 cổng, 1 cổng đầu dò bút chì				

Thông số kỹ thuật:

Máy chính

- Màn hình Led backlit LCD kích thước 23,8 inch, độ phân giải cao 1.920x1.080
- Màn hình Led backlit LCD kích thước 12,1 inch, độ phân giải cao 1.280x800
- Số cổng cắm đầu dò hoạt động: 5 cổng, 1 cổng đầu dò bút chì

		- 4 bánh xe có khóa hãm - Loa tích hợp - Khởi động hệ thống từ khi tắt: 80 giây Ứng dụng Ứng dụng trong thăm khám: Ổ bụng, Sản khoa, Phụ khoa, Tim mạch, Các bộ phận nhỏ, Cơ xương khớp, Mạch máu, Tiết niệu Màn hình - Màn hình Led backlit LCD kích thước 23,8 inch, độ phân giải cao 1.920x1.080 - Màn hình hiển thị 16,7 triệu màu - Tỷ lệ tương phản: 1:1.000 - Tấm nền: IPS - Có thể điều chỉnh độ sáng và độ tương phản - Điều chỉnh màn hình: + Nâng/Hạ: 145mm + Xoay: +/- 90° + Nghiêng: +15° / -90° Màn hình cảm ứng - Màn hình Led backlit LCD kích thước 12,1 inch, độ phân giải cao 1.280x800 - Màn hình hiển thị 16,7 triệu màu - Có thể điều chỉnh độ sáng và độ tương phản Bảng điều khiển - Bàn phím chữ số có đèn nền - 23 phím do người dùng tùy chỉnh - 8 thanh điều chỉnh TGC - Bảng điều khiển có thể điều chỉnh: + Khoảng điều chỉnh chiều cao 165mm + Xoay trái/phải: ±30° Khả năng lưu trữ - Ổ cứng SSD 250GB và SSD 1TB. Hơn 916GB ổ cứng trong dùng cho
--	--	--

			lưu trữ dữ liệu bệnh nhân - Có khả năng lưu trữ đến 916.000 hình (định dạng JPG). - Định dạng hình ảnh: BMP, JPEG, TIF, DICOM, AVI, MPEG - Bộ nhớ thước phim khoảng 1GB, 72.756 khung hình Chế độ hình ảnh - Chế độ 2D - Chế độ M - Chế độ M màu - Chế độ Doppler màu dòng chảy (CF) - Chế độ Doppler năng lượng (PD), Chế độ Doppler năng lượng có hướng - Chế độ Doppler xung (PWD) - Chế độ Doppler xung liên tục (CWD) - Chế độ siêu âm 3D/4D: 01 phần mềm - Chế độ siêu âm đèn rọi khối 3D cho hình ảnh 3D/4D (Live HQ): 01 phần mềm - Chế độ siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm Thông số hình ảnh - Dải tần số của hệ thống: 1-25MHz - Số kênh xử lý hệ thống: 704.643.072 kênh - Độ sâu hiển thị hình ảnh: 0-42 cm - Khung hình tối đa: + 2D: 3.000 (Hz/Khung hình trên giây) + Màu: 680 (Hz/Khung hình trên giây) - Thang xám: 256 mức - Dải động: tối đa 350 dB - Dòng quét tối đa: 1.024 - Tiêu cự: + Số điểm tối đa: 8 + Vị trí tối đa: 11 Chế độ 2D
--	--	--	---

		- Góc lái tia (phụ thuộc vào đầu dò): 13 mức ($-30^0 - 30^0$) - Phủ màu: 0-30 - Dải động: 30-350 dB - Tăng cường cạnh: 0-10 - Điều chỉnh tần số: 6 bước (Phụ thuộc vào đầu dò) - Giảm nhiễu dóm: 0-5 mức - Thang xám: 0-47 - Siêu âm chế độ hòa âm - Độ khuếch đại: 0-100 - Giảm nhiễu: 1-10 mức - Công suất: 1-100%	
		Chế độ <i>M-mode</i> - Phủ màu: 0-30 (Phụ thuộc vào đầu dò) - Dải động: 30-150 dB - Thang xám: 0-47 loại (Phụ thuộc vào đầu dò) - Độ khuếch đại: 0-100 - Công suất: 1-100% - Giảm nhiễu: 0-10 mức - Tốc độ quét: 0-10 mức Chế độ <i>Doppler xung PW</i> - Góc: $-89^0 - 89^0$ - Tự động chỉnh góc - Đường cơ sở: -8 - 8 - Phủ màu: 0 - 30 (Phụ thuộc vào đầu dò) - Dải động: 30 - 120 dB - Điều chỉnh tần số: 3 - 4 bước (Phụ thuộc vào đầu dò) - Thang xám: 0 - 47 (Phụ thuộc vào đầu dò) - Độ khuếch đại: 0 - 100 - Công suất: 1 - 100 % - Giảm nhiễu: 0 - 10 - Tần số lặp lại xung (PRF): 0,3 - 31 KHz (Phụ thuộc vào đầu dò)	

			- Vận tốc đo: 2,3 cm/s - 7 m/s - Kích thước SV: 0,2 - 25,0 mm - Tốc độ quét: 0 - 10 - Lọc thành: 0 - 9 - Đảo ngược - Tự động cập nhật Chế độ Doppler màu CF/Doppler năng lượng PD - Chính góc (Phụ thuộc vào đầu dò): 13 bước (-30 - 30°) - Đường cơ sở: -100 - 100 - Bản đồ màu: 0 - 15 (CF), 0 - 15 (PD) - Độ nhạy màu: 6 - 16 - Tần số: tối đa 4 bước (Phụ thuộc vào đầu dò) - Trạng thái dòng chảy: Thấp, Trung bình, Cao - Độ khuếch đại: 0 - 100 - Mật độ dòng: 0 - 3 - Công suất âm: 1 - 100 % - Tần số lặp lại xung (PRF): 0.1 - 20.3 KHz (Phụ thuộc vào đầu dò) - Vận tốc đo CF: 2 cm/s - 423,9 cm/s (Phụ thuộc vào đầu dò) - Làm mịn: 0 - 10 - Lọc thành: 0 - 7 Chế độ 3D/4D - Chất lượng: Thấp, Trung bình 1, Trung bình 2, Cao 1, Cao 2, Tối đa - Góc quét: 15 - 80 (5 bước) - Độ sáng: 1 - 100 - Độ trong suốt: 0 - 255 - Làm mịn: 0 - 20 - Xóa nhiễu đốm 3D: 0 - 5 - Xóa nhiễu đốm 2D: 0 - 5 - Bản đồ màu + Thang xám: 0 - 47 + Phù màu 2D: 0 - 30
--	--	--	---

		+ Bản đồ màu 3D: 1 – 24 - Chế độ hình ảnh 3D/4D trực tiếp độ nét cao Live HQ™ (5D) + Có thể điều chỉnh hướng đèn chiếu + Có thể di chuyển đèn chiếu + Bản đồ màu: 1-12 loại Chế độ Doppler xung liên tục CWD - Góc: -89° - 89° - Đường cơ sở: -8 - 8 - Phủ màu: 0 – 30 (Phụ thuộc vào đầu dò) - Dải động: 30 - 120 dB - Thang xám: 0 – 47 (Phụ thuộc vào đầu dò) - Độ khuếch đại: 0 - 100 - Công suất: 1 - 100 % - Giảm nhiễu: 0 - 10 - Tần số lặp lại xung (PRF): 0,3 – 78,1 KHz (Phụ thuộc vào đầu dò) - Vận tốc đo: 2.5 cm/s - 30.8 m/s - Tốc độ quét: 0 - 10 - Lọc thành: 0 - 9 - Đảo ngược - Tự động cập nhật Đầu dò Đầu dò convex SCI-7H - Ứng dụng: Ổ bụng, Sản khoa, Phụ khoa, Tiết niệu, Cơ xương khớp, Nhi khoa - Đầu dò đơn tinh thể - Dải tần: 1.0 – 7.0 MHz - Số chấn tử: 192 - Trường nhìn: 60° (tối đa 100°) Đầu dò linear SL3-19X - Ứng dụng: Ổ bụng, Mạch máu, Các bộ phận nhỏ, Cơ xương khớp - Đầu dò đơn tinh thể
--	--	--

			- Dải tần: 3.0 – 19.0 MHz - Số chân từ: 256 - Trường nhìn: 51,2 mm Đầu dò khối SVC1-8H - Ứng dụng: Ổ bụng, Phụ khoa, Sản khoa - Đầu dò đơn tinh thể - Dải tần: 1,0 – 8,0 MHz - Số chân từ: 192 - Trường nhìn: 79° Đầu dò tim MPI-5X - Ứng dụng: Ổ bụng, Tim mạch, Mạch máu - Đầu dò đơn tinh thể - Dải tần: 1,0-5,0 MHz - Số chân từ: 80 - Trường nhìn: 90° Đầu dò Linear IO7-18 - Tần số: 7-18MHz - Ứng dụng: Cơ xương khớp, phần nông - Số chân từ: 128 Đầu ra/Đầu vào - 4 cổng USB 3.0 - 2 cổng USB 2.0 - 1 Cổng Audio out - 1 Cổng HDMI - 1 Cổng Ethernet - 1 Cổng VGA	
8	Màn hình nội soi	Model: 27HK510S (27HK510S-W) Số Serial 604NTPCPZ544 Hãng chủ sở hữu: LG Electronics Inc. – Hàn Quốc	Thông số kỹ thuật: - Tấm nền (Panel) • Loại tấm nền/Đèn nền: IPS LCD/LED. • Inch (Tỉ lệ khung hình): 27-inch (16:9). • Độ phân giải / Kích thước điểm ảnh: Full HD (1920 x 1080) / 0.3114 mm	1

Năm sản xuất: 2026	x 0.3114 mm. • Số lượng màu: 10 bit màu, 1.07 tỷ màu. • Xử lý bề mặt: Kính bảo vệ (1.6t, chống phản chiếu, chống bám vân tay). • Gam màu: sRGB 115% (vùng màu), sRGB trên 99% (độ phủ). • Góc nhìn (CR≥10): 178° (phải/trái), 178° (lên/xuống). • Độ sáng: 1000 cd/m². • Loại tỷ lệ tương phản: 1000:1. • Thời gian phản hồi (GTG): 14ms (Cài đặt tắt), 5ms (Cài đặt nhanh). - Tính năng (Feature) • Tuân thủ DICOM: Có. • Hiệu chỉnh HW: Có (True Color Pro). - Tín hiệu video (Video Signals) • Cổng vào: HDMI x1, Composite x1, 3G-SDI x1, DVI-D x1, D-Sub x1 (Cáp chuyển đổi DSUB sang DVI-I), Component x1 (Cáp chuyển đổi DSUB sang DVI-I). • Cổng ra: 3G-SDI x1, DVI-D x1. - Kết nối (Connectivity) • USB: 1 chiều lên (upstream), 1 chiều xuống (downstream). - Nguồn (Power) • Đầu vào AC: 100-240Vac, 50/60Hz. • Công suất tiêu thụ (Tối đa): 120W. • Công suất tiêu thụ (DC Off): Ít hơn 0.3W. - Cấp độ bảo vệ (Resistance Rating) • Chỉ số: IP35 (Mặt trước), IP32 (Ngoại trừ mặt trước), IK06. - Tiện ích người dùng (User Convenience) • PBP / PIP: Có (2 PBP) / PIP.
---------------------------	---

			• Công tác chuyển đổi đầu vào dự phòng: Có. - Thông số vật lý (Physical Specifications). Trọng lượng (Không chân đế): 7.7 kg.	
9	Tủ treo dây nội soi	Model: NA – TDCNS Hãng sản xuất: Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất thiết bị y tế Nhật Anh Xuất xứ: Việt Nam	Cấu hình chuẩn cho mỗi cái: - Tủ chính: 01 cái Phụ kiện đi kèm: - Bộ giá treo: 01 cái - Quạt thông khí: 01 cái - Bộ lọc khí: 01 cái - Đèn UV: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái Thông số kỹ thuật: Tủ có 02 cánh 1 cánh trước và 1 cánh sau , khung inox phía trong Bề mặt kính. Khóa tùy chọn - Chiều dài 650mm - Chiều rộng 650mm - Chiều cao 2100mm : chưa tính bánh xe (80mm) - Chất liệu: INOX 304 - Số lượng 10 Ống soi - Điện áp: 220-230VAC, 50-60HZ - Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa: 40 °C, Độ ẩm tương đối tối đa: 85% - Tủ treo chia thành 2 khu riêng biệt: khu treo dây soi và khu chứa bộ phận thông khí, khử khuẩn - Tủ có chân cao su chống xước điều chỉnh độ cân bằng và có bánh xe di chuyển . - Giá treo dây soi có thể xoay tròn theo 2 chiều. - Bộ giá treo ống soi có thể tùy chỉnh độ cao tất cả các vòng móc theo loại ống soi. - Thiết kế nhiều tầng móc ống soi theo vị trí và độ cao đảm bảo	1